

Bản án số: 01/2021/KDTM-PT
Ngày: 03/02/2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu

Các Thẩm phán:

Bà Ngô Ngọc Phi

Ông Nguyễn Hoàng Thám

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2020/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/KDTM-ST ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2020/QĐXXPT-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời;

Địa chỉ: Số 23, đường Y, Phường X, Thành phố L, tỉnh A.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy Thuận - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Duy Thuận: Ông Cuỳnh Đăng S – Chức vụ: Phụ trách pháp lý công nợ, Ban pháp lý – Công ty cổ phần Tập đoàn L. Địa chỉ liên lạc: Lâu 3, Đường T, Phường Đ, Quận F, thành phố M. (Theo giấy ủy quyền ngày 17 tháng 7 năm 2020). (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H , sinh năm 1968, nơi cư trú: Tổ 3, ấp A, thị trấn C, huyện T, tỉnh A. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà H : Bà Đặng Thị T, sinh năm 1987. Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã S, H, tỉnh B. (Theo văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 01 năm 2021). (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Hữu C, sinh năm 1966, nơi cư trú: Tổ 3, ấp A, thị trấn C, huyện T, tỉnh A. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông C : Bà Đặng Thị T, sinh năm 1987. Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã S, H, tỉnh B. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 01 năm 2021). (Có mặt)

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/01/2020, tờ tự khai cùng ngày 05/04/2020, và lời khai tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông Cuynh Đăng S trình bày:

Ngày 15/10/2012 Công ty cổ phần Tập đoàn L có ký hợp đồng mua bán thuốc bảo vệ thực vật số 10/CNLX/HĐMB.AGPPS với bà Nguyễn Thị Kim H để mua bán các loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Hình thức mua bán là theo đơn đặt hàng của bà H, sau đó công ty xuất hóa đơn thanh toán, hai bên thỏa thuận nếu quá thời gian bà H không thanh toán tiền theo hóa đơn thì bà H phải chịu lãi suất theo quy định, thời điểm trước mức lãi suất là 0.8% đến năm 2019 thì mức lãi suất là 1.5%. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán 25/03/2013 bà H và ông C có ký hợp đồng thế chấp tài sản cho Công ty cổ phần Tập đoàn Lộc Trời, hợp đồng có công chứng chứng nhận số 486, quyền số 01.TP/CCSCC/HĐGD với các tài sản thế chấp như sau:

- Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất số AC 073389 (H.00080/aĐ) do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 04/4/2005. Diện tích 74,70m², thửa số 206, tờ bản đồ số 40, đất ở đô thị do ông Lê Hữu C và bà Nguyễn Thị Kim H đứng tên.

- Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất số AĐ 832697 (H.03308/aĐ) do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 19/7/2006. Diện tích 250,80m², thửa số 212, tờ bản đồ số 40, đất ở đô thị, đất trồng cây lâu năm diện tích 150,80m² do ông Lê Hữu C và bà Nguyễn Thị Kim H đứng tên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty cổ phần Tập đoàn L đã thực hiện nghĩa vụ đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận. Theo giấy xác nhận công nợ và báo chi tiết nợ quá hạn đến ngày 04/02/2020 bà H và ông C nợ Công ty cổ phần Tập đoàn L số tiền 1.877.936.911 đồng (Một tỷ, tám trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm mười một đồng) trong đó nợ gốc là 1.414.789.879 đồng và lãi chậm thanh toán là 463.147.032 đồng. Phía công ty đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty cổ phần Tập đoàn L

Nay công ty cổ phần tập đoàn L yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông C có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty cổ phần Tập đoàn L số tiền nợ tính đến ngày 22/10/2020 là 1.880.974.864 đồng (Một tỷ tám trăm tám mươi triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm sáu mươi bốn đồng) trong đó nợ gốc là 1.414.789.879 đồng và lãi chậm thanh toán là 466.184.985 đồng.

Duy trì hợp đồng thế chấp tài sản đã được văn phòng công chứng số 486, quyền 01. TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/03/2013 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/6/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Năm 2008 người của chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn L có đến công ty bà ký kết hợp đồng mua bán thuốc bảo vệ thực vật. Mục đích hợp đồng để xuất hóa đơn, giao dịch các chứng từ mua bán thu chi giữa công ty, những điều khoản trong hợp đồng bà cũng không thực hiện và không ràng buộc theo hợp đồng đã ký trong suốt giao dịch một năm của hợp đồng. Tiếp tục mỗi năm đều ký lại cho đến 2019 do tin tưởng uy tín và chất lượng hàng hóa của công ty nên trong suốt thời gian hợp tác với công ty bà đã ký và ký rất nhiều chứng từ, giấy tờ mọi lúc, mọi nơi. Phía công ty cổ phần Tập đoàn L yêu cầu bà trả số tiền nợ là 1.880.974.864 đồng (Một tỷ tám trăm tám mươi triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm sáu mươi bốn đồng) trong đó nợ gốc là 1.414.789.879 đồng và lãi chậm thanh toán là 466.184.985 đồng thì bà không đồng ý trả và bà yêu cầu phía Công ty Cổ phần Tập đoàn L làm rõ số nợ chi tiết ra, bà không Cề nợ Công ty cổ phần Tập đoàn L số tiền này. Trong vụ việc mua bán này ông C không Cay biết, tự bà mua bán với Công ty cổ phần Tập đoàn Lộc Trời. Do đó bà không đồng ý yêu cầu ông C trả số nợ này.

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản: Bà có ký hợp đồng thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công ty, nhưng theo bà cho rằng bà ký để công ty giao hàng cho bà số lượng hàng hóa nhiều hơn chứ bà không biết ký hợp đồng thế chấp để thế chấp tài sản. Còn việc ông C ký vào hợp đồng thế chấp là do bà đưa giấy tờ cho ông C ký, thật ra ông C không biết sự việc này. Còn việc ông C ký tên trong hợp đồng thế chấp tại phòng công chứng hay ký tên tại nhà do lâu quá bà không nhớ. Nay Công ty cổ phần Tập đoàn L yêu cầu bà và ông C thực hiện hợp đồng thế chấp thì bà không đồng ý, bà không yêu cầu ông C phải thực hiện hợp đồng này. Bà yêu cầu Tòa án xem xét hợp đồng thế chấp đã ký với Công ty cổ phần Tập đoàn Lộc Trời.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu C* : Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông Lê Hữu C vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do. Tòa án tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của ông C tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì ông C vẫn còn hộ khẩu ở Tổ 3, ấp A, thị trấn C, huyện T, tỉnh A nhưng ông C không có mặt tại nhà nên không lấy lời khai được.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2020/KDTM-ST ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần tập đoàn L.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim H và ông Lê Hữu H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần Tập đoàn L số tiền vốn và lãi là 1.880.974.864 đồng (Một tỷ tám trăm tám mươi triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm sáu mươi bốn đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp giữa Công ty cổ phần Tập đoàn L với bà H và ông C hợp đồng có công chứng chứng nhận số 486, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/03/2013 để đảm bảo cho việc thi hành án gồm tài sản sau:

- Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất số AC 073389 (H.00080/aĐ) do UBND huyện T cấp ngày 04/4/2005. Diện tích 74,70m², thửa số 206, tờ bản đồ số 40, đất ở đô thị do ông Lê Hữu C và bà Nguyễn Thị Kim H đứng tên.

- Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất số AĐ 832697 (H.03308/aĐ) do UBND huyện T cấp ngày 19/7/2006. Diện tích 250,80m², thửa số 212, tờ bản đồ số 40, đất ở đô thị, đất trồng cây lâu năm diện tích 150,80m² do ông Lê Hữu C và bà Nguyễn Thị Kim H đứng tên.

5. Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu bà H, ông C tự nguyện thi hành án, không phải phát mãi tài sản thì Công ty cổ phần Tập đoàn L phải trả lại tất cả các loại giấy tờ đã thế chấp cho bà H, ông C. Nếu bà H, ông C không tự nguyện thi hành án thì Công ty cổ phần Tập đoàn L có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp có công chứng chứng nhận số 486, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/03/2013 để thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Theo đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H: Yêu cầu Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm xem xét hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm số: 09/2020/KDTM-ST ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Nguyên đơn trình bày:* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với bản án sơ thẩm, không có ý kiến khác.

- *Đại diện theo ủy quyền của bà H và ông C trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, do tin tưởng nên bà H đã ký vào các biên bản xác nhận công nợ và ký vào hợp đồng thế chấp tài sản chứ thật sự bà H không còn nợ công ty, thậm chí bà H đã trả dư nợ cho công ty hơn 2.000.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà H kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H trong hạn luật định có tạm nộp án phí phúc thẩm (theo biên lai thu số 0007318 ngày 30/10/2020 và biên lai thu số 0007383 ngày 26/11/2020) nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Lê Hữu C uỷ quyền cho bà Đặng Thị T, việc uỷ quyền phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H và chứng cứ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn thống nhất có ký kết Hợp đồng mua bán thuốc bảo vệ thực vật số 10/CNLX/HĐMB.AGPPS ngày 15/10/2012 (giữa bên bán là Công ty cổ phần bảo vệ thực vật A với bên mua bà Nguyễn Thị Kim H) Nay Công ty cổ phần bảo vệ thực vật A đổi tên là Công ty cổ phần tập đoàn Lộc Trời, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (mã số doanh nghiệp 1600192619), đăng ký thay đổi lần thứ 25, ngày 21/11/2018, do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh A cấp. Quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng do tin tưởng uy tín và chất lượng hàng hóa của công ty nên suốt thời gian hợp tác với công ty bà ký rất nhiều giấy tờ, chứng từ ở mọi lúc, mọi nơi cho công ty nhưng không nhớ cụ thể các loại giấy tờ gì.

Theo biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A, bà H trình bày có ký các biên nhận nợ để phục vụ cho việc kiểm toán, chứ không phải bà ký xác nhận nợ. Hiện nay bà chỉ còn nợ công ty 185.661.775 đồng, còn chồng bà là ông Lê Hữu H không liên quan đến việc mua bán nên ông C không liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bà H thừa nhận giấy xác nhận công nợ và báo cáo chi tiết nợ quá hạn từ ngày 31/01/2019 đến ngày 30/9/2019 (liên tục 09 tháng) là chữ ký của bà, nhưng lâu quá bà không nhớ nội dung cụ thể, cán bộ công ty có dấu hiệu ép buộc bà H ký nhận, chứ thật sự bà H đã trả dư nợ cho công ty. Còn hợp đồng thế chấp tài sản được Văn phòng Công chứng Y công chứng ngày 25/3/2013, có chữ ký của chồng bà là ông Lê Hữu C, nhưng bà H cho rằng ông C ký tên thế chấp tài sản là làm theo yêu cầu của bà H chứ ông C không biết ký tên để thế chấp tài sản.

Qua tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng mua bán thuốc bảo vệ thực vật giữa công ty với bà H được thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, việc mua bán có lập hợp đồng rõ ràng hai bên tự nguyện ký kết không trái quy định pháp luật. Quá trình mua bán bà H không thực hiện đúng, nhiều lần vi phạm hợp đồng, công ty đã nhắc nhở, mỗi lần nhắc nhở bà H đều có ký giấy xác nhận công nợ và báo cáo chi tiết nợ quá hạn, cho thấy bà H biết rõ số nợ và tự nguyện ký tên xác nhận, không có chứng cứ chứng minh phía công ty ép buộc. Số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/10/2020 bao gồm vốn và lãi là 1.880.974.864 đồng (Một tỷ tám trăm tám mươi triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm sáu mươi bốn đồng).

Tại phiên tòa phía bà H còn yêu cầu công ty làm rõ số nợ chi tiết ra, yêu cầu này phía công ty không đồng ý vì số nợ đã được thể hiện quá rõ ràng như: công ty đã thực hiện đối chiếu công nợ từng tháng, có giấy xác nhận công nợ và báo cáo chi tiết nợ quá hạn, khi ký tên xác nhận nợ bà H không có thắc mắc, khiếu nại. Nay phía bà H yêu cầu làm rõ chi tiết số nợ là nhằm gây khó khăn, kéo dài thời gian trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy bà H là Hộ kinh doanh mua bán có đủ năng lực hành vi dân sự, khi mua bán có sổ sách theo dõi, khi đối chiếu công nợ bên bán và bên mua phải thống nhất cùng ký tên xác nhận. Do đó việc phía bà H cho rằng bà đã trả dư số nợ hay phía công ty có hành vi gian dối khi đưa bà H ký xác nhận công nợ, nhưng bà H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh.

Đối với ông Lê Hữu C là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ án, nhưng ông đều vắng mặt và không gửi ý kiến của mình về nội dung vụ án. Xét thấy ông C và bà H là vợ chồng, bà H mua bán các loại phân, thuốc bảo vệ thực vật tại nhà và cùng ký tên thế chấp tài sản cho công ty cho thấy ông C biết rõ và đồng ý việc mua bán của vợ nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông cùng bà H trả cho công ty số tiền vốn và lãi 1.880.974.864 đồng là có cơ sở. Hơn nữa sau khi xét xử sơ thẩm ông C không kháng cáo xem như ông đã đồng ý với bản án sơ thẩm.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét kháng cáo của bà H cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2020/KDTM-ST ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A .

Phúc xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần tập đoàn L

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim H và ông Lê Hữu C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần Tập đoàn L số tiền vốn + lãi 1.880.974.864 đồng (Một tỷ tám trăm tám mươi triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm sáu mươi bốn đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp giữa Công ty cổ phần Tập đoàn L với bà H và ông C hợp đồng có công chứng chứng nhận số 486, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/03/2013 để đảm bảo cho việc thi hành án gồm tài sản sau:

- Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất số AC 073389 (H.00080/aĐ) do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 04/4/2005. Diện tích 74,70m², thửa số 206, tờ bản đồ số 40, đất ở đô thị do ông Lê Hữu C và bà Nguyễn Thị Kim H đứng tên.

- Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất số AĐ 832697 (H.03308/aĐ) do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 19/7/2006. Diện tích 250,80m², thửa số 212, tờ bản đồ số 40, đất ở đô thị, đất trồng cây lâu năm diện tích 150,80m² do ông Lê Hữu C và bà Nguyễn Thị Kim H đứng tên.

5. Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu bà H, ông C tự nguyện thi hành án, không phải phát mãi tài sản thì Công ty cổ phần Tập đoàn L phải trả lại tất cả các loại giấy tờ đã thế chấp cho bà H, ông C. Nếu bà H, ông C không tự nguyện thi hành án thì Công ty cổ phần Tập đoàn L có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp có công chứng chứng nhận số 486, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/03/2013 để thi hành án.

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Lê Hữu C phải chịu số tiền 68.429.000 đồng (Sáu mươi tám triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

- Hoàn trả cho Công ty cổ phần Tập đoàn L số tiền 34.172.000đ (Ba mươi bốn triệu một trăm bảy mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006842 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A.

7. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007318 ngày 30/10/2020 và biên lai thu số 0007383 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A (bà H đã nộp đủ).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Kinh tế;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lưu Hữu Giàu